



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**THERĪGĀTHĀPĀḶI**

**&**

**TẠNG KINH - TIỂU BỘ**

**TRƯỜNG LÃO NI KỆ**

## 68.

291. Laṭṭhihattho pure āsī<sup>1</sup> so dāni migaluddako,  
āsāya palipā ghorā nāsakkhi pārametave.<sup>2</sup>
292. Sumuttaṃ<sup>3</sup> maṃ maññamānā cāpā puttamosayī,  
cāpāya bandhanaṃ chetvā pabbajissaṃ punopahaṃ.<sup>4</sup>
293. Mā me kujjhi<sup>5</sup> mahāvīra mā me kujjhi<sup>4</sup> mahāmuni,  
na hi kodhaparetassa suddhi atthi kuto tapo.
294. Pakkamissaṃ ca nālāto kodha nālāya vacchati,  
bandhanti<sup>6</sup> itthirūpena samaṇe dhammajīvino.
295. Ehi kāḷa nivattassu bhuñja kāme yathā pure,  
ahañca te vasīkatā ye ca me santi ñātakā.
296. Etto cāpi<sup>7</sup> catubbhāgaṃ yathā bhāsasi tvaṃ ca me,<sup>8</sup>  
tayī rattassa posassa uḷāraṃ vata taṃ siyā.
297. Kāḷaṅgiṇiṃ va takkāriṃ pupphitaṃ girimuddhanī,  
phullaṃ dāḷimalaṭṭhiṃva<sup>9</sup> anto dīpeva pāṭaḷiṃ.
298. Haricandalittaṅgiṃ kāsikuttamadhāriṇiṃ,  
taṃ maṃ rūpavatiṃ santiṃ kassa ohāya gacchasi.
299. Sākuntikova sakuṇiṃ<sup>10</sup> yathā bandhitumicchati,  
āharimena rūpena na maṃ tvaṃ bādhayissasi.
300. Imaṃ ca me puttaphalaṃ kāḷa uppāditaṃ tayā,  
taṃ maṃ puttavatiṃ santiṃ kassa ohāya gacchasi.
301. Jahanti putte sappaññā tato ñātī tato dhanaṃ,  
pabbajanti mahāvīrā nāgo chetvāva bandhanaṃ.

<sup>1</sup> āsiṃ - Syā, PTS.

<sup>2</sup> nāsakkhiṃ pārametase - Syā, PTS.

<sup>3</sup> sumattaṃ - Ma, Syā, PTS.

<sup>4</sup> pure ahaṃ - Syā; puno-m-ahaṃ - PTS; punocahaṃ - Sīmu.

<sup>5</sup> kujjha - Syā, PTS.

<sup>6</sup> bandhanti - PTS, Sīmu.

<sup>7</sup> ceva - Syā, PTS.

<sup>8</sup> taṃ cāpe - Syā, PTS.

<sup>9</sup> dāḷimalaṭṭhiṃva - Ma; dāḷikalatṭhiṃ va - PTS.

<sup>10</sup> sākunīkova sakuṇaṃ - Syā.

## 68.

291. “Trước đây, người ấy đã là vị (đạo sĩ) có gậy ở bàn tay. Bây giờ, người ấy là thợ săn thú rừng. Vì tham ái, người ấy đã không thể từ đằm lầy ghê rợn đi đến bờ kia.<sup>1</sup>

292. Trong khi nghĩ rằng tôi là vô cùng cõi mở, Cāpā đã chọc giận đứa con trai. Sau khi cắt đứt sự trói buộc của Cāpā, tôi sẽ xuất gia lại lần nữa.’

293. ‘Ôi vị đại anh hùng, xin chàng chớ giận thiếp! Ôi vị đại hiền trí, xin chàng chớ giận thiếp! Bởi vì sự thanh tịnh không có cho người bị sự giận dữ chế ngự, từ đâu mà có được sự khổ hạnh?’

294. ‘Tôi sẽ rời khỏi Nālā. Ai sẽ sống ở nơi đây, tại Nālā, trong khi cô, với sắc đẹp nữ nhân, trói buộc các Sa-môn có cuộc sống theo (đường lối của) Giáo Pháp.’

295. ‘Chàng Kāḷa ơi, chàng hãy đến, chàng hãy quay về, chàng hãy thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây. Thiếp và những người nào là thân quyến của thiếp sẽ chịu sự sai khiến của chàng.’

296. ‘Chỉ cần một phần tư của điều ấy, giống như lời nàng nói với ta, điều ấy quả thật là quý hóa cho người đàn ông đã say đắm nàng.’

297. ‘Chàng Kāḷa ơi, (thiếp) tựa như chồi non của cây *takkārī* đã được đơm hoa ở trên đỉnh núi, tựa như giống dây leo *dāḷima* đã được nở rộ hoa, tựa như cây hoa kèn ở bên trong hòn đảo.

298. (Thiếp) có tay chân được bôi trầm hương màu vàng, mặc loại vải *Kāsī* thượng hạng, trong khi thiếp đây đang có sắc đẹp, bởi vì ai chàng nữ bỏ thiếp ra đi?’

299. ‘Giống y như người thợ bẫy chim muốn bắt con chim, nàng muốn trói buộc ta bằng sắc đẹp hấp dẫn. Nàng sẽ không cảm dỗ được ta.’

300. ‘Chàng Kāḷa ơi, còn kết quả đứa con trai này của thiếp là do chàng đã tạo ra. Trong khi thiếp đây đang có con trai, bởi vì ai chàng nữ bỏ thiếp ra đi?’

301. ‘Các bậc có trí tuệ lìa bỏ những đứa con trai, rồi các thân quyến, sau đến tài sản. Các bậc đại anh hùng xuất gia, tựa như con voi đã ra đi sau khi giật đứt sự trói buộc.’

---

<sup>1</sup> Sau khi quán xét về sự thành tựu của bản thân, trưởng lão ni Cāpā đã thốt lên lời cảm thán thuật lại cuộc trao đổi giữa nàng với chồng là Upaka lúc hai người vẫn còn ở đời sống tại gia. Hai câu kệ đầu, 291 và 292, là lời nói của Upaka đề cập đến bản thân. Cũng cần nhắc lại rằng Upaka là vị đạo sĩ lỏa thể mà đức Phật đã gặp trên đường đi đến Migadāya (vườn Lộc Uyển) để chuyển vận bánh xe Pháp và hóa độ năm vị đạo sĩ Koṇḍañña. Sau khi từ giã đức Phật, Upaka đã gặp và say đắm Cāpā. Hai người nên duyên vợ chồng và có một đứa con trai. Sau khi Upaka xuất gia theo đức Phật, Cāpā đã gởi con cho ông ngoại rồi cũng xuất gia trở thành tỳ khưu ni và đã chứng đắc quả vị A-la-hán. Trong câu chuyện trên, Upaka được vợ gọi là Kāḷa, màu đen, sở dĩ gọi tên như vậy vì màu da của Upaka sạm đen (ThigA, 209-215).

302. Idāni te imaṃ puttaṃ daṇḍena churikāya vā,  
bhūmiyaṃ vā<sup>1</sup> nisumbheyyaṃ<sup>2</sup> puttasokā na gacchasi.
303. Sace puttaṃ sigālānaṃ kukkurānaṃ padāhisi,  
na maṃ puttakate<sup>3</sup> jammī, punarāvattayissasi.
304. Handa kho dāni bhaddante kuhiṃ kāḷa gamissasi, [PTS P]  
katamaṃ gāmaṃ nigamaṃ nagaraṃ rājadhāniyo.
305. Ahumha pubbe gaṇino assamaṇā samaṇamānino,  
gāmena gāmaṃ vicarimha nagare rājadhāniyo.
306. Eso hi bhagavā buddho nadiṃ nerañjaraṃ pati,  
sabbadukkhappahānāya dhammaṃ deseti pāṇinaṃ,  
tassāhaṃ santike<sup>4</sup> gacchaṃ so me satthā bhavissati.
307. Vandanaṃ dāni vajjāsi lokanāthaṃ anuttaraṃ,  
padakkhiṇaṃ ca katvāna ādiseyyāsi dakkhiṇaṃ.
308. Etaṃ kho labbhamamhehi yathā bhāsasi tvaṃ ca me,<sup>5</sup>  
vandanaṃ dāni te vajjaṃ lokanāthaṃ anuttaraṃ,  
padakkhiṇaṃ ca katvāna ādisissāmi dakkhiṇaṃ.
309. Tatova<sup>6</sup> kāḷo pakkāmi nadiṃ nerañjaraṃ pati,  
so addasāsi sambuddhaṃ desentaṃ amataṃ padaṃ.
310. Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ dukkhassa ca atikkamaṃ,  
ariyañcaṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ dukkhūpasamaḡāminaṃ.
311. Tassa pādāni vanditvā katvāna naṃ padakkhiṇaṃ,  
cāpāya ādisitvāna pabbaji anagāriyaṃ,  
tisso vijjā anuppattā kataṃ buddhassa sāsanan ”ti.  
Itthaṃ sudaṃ cāpā therī gāthāyo abhāsī ”ti.

### **Cāpātherīgāthā.**

<sup>1</sup> va - Syā, PTS.

<sup>2</sup> nisumbhissaṃ - Ma.

<sup>3</sup> puttakatte - Ma, Sīmu.

<sup>4</sup> santikaṃ - Ma.

<sup>5</sup> taṃ cāpe - Syā, PTS.

<sup>6</sup> tato ca - Ma, Syā, PTS.

302. ‘Giờ đây, bằng cây gậy hoặc bằng con dao, thiếp có thể làm đứa con trai này của chàng tẻ ngã ở trên mặt đất. Vì sự lo âu cho con trai, chàng không ra đi.’

303. ‘Này cô nàng tồi tệ, nếu nàng cho đứa con trai đến những con chó rừng, đến những con chó hoang, do việc đã làm đối với đứa con trai, nàng cũng sẽ không làm cho ta quay trở lại.’

304. ‘Đã thế thì thưa bậc đạo hạnh, giờ đây thì hãy như vậy đi. Này chàng Kāḷa, chàng sẽ đi đâu? Làng nào, thị trấn nào, thành phố nào, các kinh đô nào?’

305. ‘Trước đây, bọn ta đã có đồ chúng, không phải là các Sa-môn, nhưng nghĩ là Sa-môn. Bọn ta đã lang thang từ làng này đến làng khác, đến các thành phố, đến các kinh đô.

306. Bởi vì đức Phật Thế Tôn ấy, ở cạnh dòng sông Nerañjarā, thuyết giảng Giáo Pháp nhằm việc dứt bỏ tất cả khổ đau cho các sanh linh. Ta sẽ đi đến gặp vị ấy; vị ấy sẽ là bậc Đạo Sư của ta.’

307. ‘Chàng nên thuật lại với đấng Bảo Hộ Thế Gian vô thượng về sự kính lễ bây giờ (của thiếp), và sau khi đã hướng bên phải nhiều quanh, chàng nên trình lên vật cúng dường (của thiếp).’

308. ‘Điều ấy quả là khả dĩ đối với bọn ta, giống như lời nàng nói với ta. Ta sẽ thuật lại với đấng Bảo Hộ Thế Gian vô thượng về sự kính lễ bây giờ (của nàng), và sau khi đã hướng bên phải nhiều quanh, ta sẽ trình lên vật cúng dường (của nàng).’

309. Ngay sau đó, Kāḷa ra đi về phía dòng sông Nerañjarā. Vị ấy đã nhìn thấy đấng Toàn Giác đang thuyết giảng về vị thế Bất Tử, –

310. –về Khổ, về sự sanh lên của Khổ, về sự vượt qua Khổ, và về Thánh Đạo tám chi phần đưa đến sự yên lặng của Khổ.<sup>1</sup>

311. Sau khi đánh lễ hai bàn chân của Ngài, sau khi hướng bên phải nhiều quanh Ngài, sau khi trình lên (vật cúng dường) của Cāpā, vị ấy đã xuất gia sống đời không nhà, Ba Minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.”

Trưởng lão ni Cāpā đã nói những lời kệ như thế.

### **Kệ ngôn của trưởng lão ni Cāpā.**

---

<sup>1</sup> Câu kệ 310 giống như câu kệ 186.